

I. VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

Trên những nét chung nhất, ngày nay các nhà nghiên cứu sự phát triển khá nhất trí với nhau về khái niệm tăng trưởng và phát triển kinh tế như sau.

1. Tăng trưởng là mức tăng GNP bình quân tính theo đầu người, phản ánh mức tăng trưởng sản xuất của một quốc gia trong một giai đoạn nhất định nào đó.

Tăng trưởng kinh tế cao là điều kiện quyết định cho mỗi quốc gia loại trừ tình trạng nghèo khổ ra khỏi biên giới của mình. Nhưng không phải cuộc sống của mọi tầng lớp dân cư đều được cải thiện hoặc được nâng lên cùng một tỷ lệ với tăng trưởng kinh tế của đất nước.

2. Phát triển: Khái niệm phát triển kinh tế rộng hơn so với khái niệm tăng trưởng. Có ba yếu tố cấu thành nội dung phát triển gồm:

- Tăng trưởng kinh tế
- Thực hiện sự biến đổi cơ cấu kinh tế-xã hội theo hướng: tỷ trọng sản phẩm công nghiệp tăng nhanh cả tương đối lẫn tuyệt đối và chiếm ưu thế trong GNP; lao động nông nghiệp giảm, lao động công nghiệp tăng nhanh và chiếm đại bộ phận trong tổng lao động xã hội (ở các nước công nghiệp thị trường, lao động trong nông nghiệp chỉ khoảng trên dưới 6% lực lượng lao động xã hội).

- Mức độ tăng thu nhập thực tế mà mỗi người dân được hưởng, phản ánh mức công bằng, dân chủ và chất lượng cuộc sống của dân cư cùng với sự tham gia của chính họ vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Với nội dung phát triển như vậy, nên có những nước tuy GNP bình quân tính trên đầu người cao ngang các nước tiên tiến nhưng vẫn không thuộc nhóm nước công nghiệp phát triển.

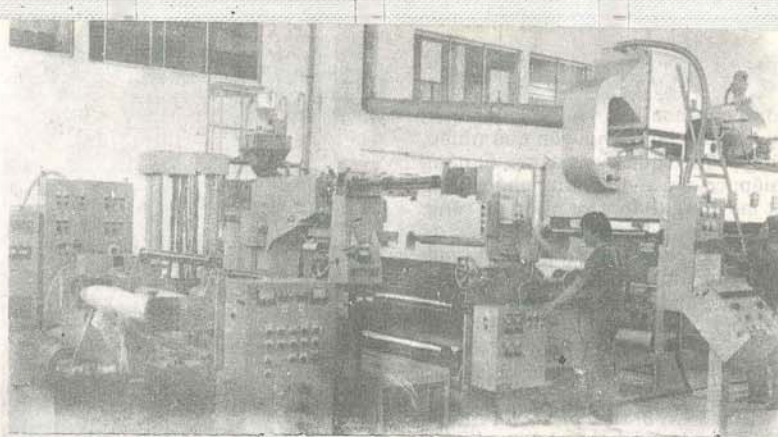
3. Các nước đang phát triển

Bức tranh của thế giới ngày nay cho thấy, hố ngăn cách giữa nước giàu và nước nghèo rộng 15-20 lần. Hiện tại 80% hàng hóa và dịch vụ được tạo ra ở các nước chưa đầy 25% dân số thế giới. Và 50% dân số toàn cầu được chia 5% thu nhập của thế giới.

Các nhà kinh tế cho rằng đặc trưng của nước đang phát triển là:

- Thu nhập bình quân 500 USD/người/năm.
- Tốc độ tăng dân số nhanh (từ trên 2%/năm).
- Đại đa số lao động nằm trong nông nghiệp.
- Tỷ lệ người biết chữ thấp.
- Thất nghiệp nguy trang lớn.
- Nền kinh tế phụ thuộc nặng nề vào một số mặt hàng (chủ yếu là hàng nông phẩm) xuất khẩu.

Đối với các nước nghèo, theo Ngân hàng thế giới, đây là những nước có GNP tính theo đầu người dưới 200 USD. Đối với những nước này Tổ chức



TĂNG TRƯỞNG & PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN

PTS. ĐINH SƠN HÙNG

lao động thế giới đã đứng về phía của cách tiếp cận "các nhu cầu cơ bản" của con người. Theo Paul Streeton và S.J.Burki thì những nhu cầu cơ bản đó là lương thực, nước, công rãnh, nhà ở, y tế và giáo dục. Và số vốn cần thiết để bù đắp sự thiếu hụt các nhu cầu cơ bản này vào khoảng 12 tỷ USD đầu tư hàng năm, trải dài 20 năm, từ 1980 đến năm 2000. Nếu kể cả các tái chi phí, cộng lại con số thâm hụt hàng năm sẽ là 25 đến 30 tỉ USD trong việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người (mỗi bằng 10% số tiền chi tiêu quân sự hàng năm của thế giới).

II. NHỮNG MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Có thể phân ra một số lý thuyết phát triển kinh tế theo cách tiếp cận lô gích và lịch sử như sau.

1. Thứ nhất là những lý thuyết nghiên cứu sự phát triển trên cơ sở phân tích kinh tế thị trường nói chung mà không tính đến đặc thù của các nước đang phát triển với một số mô hình tiêu biểu gồm:

+ Lý thuyết phát triển dựa theo mô hình Harrod-Domar.

Mô hình này chủ yếu nghiên cứu và đề xuất quan điểm về mối quan hệ giữa tăng trưởng và các nhu cầu về vốn tư bản.

Trong nền kinh tế thị trường, nhìn chung thu nhập được phân chia thành hai phần: phần dành cho tiêu dùng trực tiếp và phần dành cho tiết kiệm, với giả định toàn bộ phần tiết kiệm được chuyển sang đầu tư. Thì mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng được biểu hiện thành mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa mức tiết kiệm và mức tăng trưởng.

Để đo lường khả năng tăng trưởng người ta dùng chỉ số gia tăng tư bản đầu ra, tức quan hệ giữa phần tư bản đầu tư tăng thêm với đầu ra. Nếu tỷ số

này thấp thì hiệu suất tăng trưởng lớn.

+ Lý thuyết phát triển của trường phái "tân cổ điển".

Trường phái này, xây dựng hàm sản xuất tổng quát biểu thị mối quan hệ phụ thuộc giữa đầu ra với các nhân tố đầu vào: $Y = f(i=1, n)$. Trong đó Y là tổng sản phẩm xã hội, fi là những nhân tố đầu vào (lao động, tư bản, đất đai...)

Theo quan điểm này mỗi sự gia tăng thêm một yếu tố nào đó ở đầu vào sẽ làm gia tăng sản lượng đầu ra. Người ta cũng đồng thời cố gắng đánh giá định lượng mức độ đóng góp của từng nhân tố khác nhau của đầu vào đối với đầu ra.

+ Lý thuyết phát triển của phái Keynes và

Phái này cho rằng chính sách "thu nhập" là phương tiện chống lạm phát có hiệu quả. Và do vậy họ kết hợp chính sách thu nhập với chính sách tăng trưởng kinh tế, kể cả việc xác định nhịp điệu và cơ cấu đầu tư.

Các nhà kinh tế phái này cho là, một mặt, muốn nâng cao nhịp độ tăng trưởng thì phải phân phối GNP có lợi cho lợi nhuận. Mặt khác, nâng cao tiền lương phù hợp với việc tăng năng suất lao động sẽ khắc phục được những khó khăn trong lĩnh vực thực hiện và là sự kích thích quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Theo J.Robinson, tốc độ tăng lương thực tế chậm hơn tốc độ tăng sản phẩm đầu ra sẽ gây cản trở cho việc tăng cầu hàng hóa, đồng thời phá vỡ khả năng tích lũy tư bản và gây đình đốn kinh tế.

+ Lý thuyết về các giai đoạn phát triển của W.Rostow.

Rostow cho rằng sự phát triển của mỗi nước nhất thiết phải trải qua 5 giai đoạn từ thấp đến cao.

Giai đoạn 1: xã hội truyền thống, giai đoạn nền kinh tế mang tính nguyên thủy với những đặc trưng!

Không có khoa học và kỹ thuật hiện đại; sự phân bố tài nguyên quá nhiều, không có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp; cơ cấu xã hội cứng nhắc, năng suất lao động thấp, thu nhập đủ sống.

Giai đoạn 2: những điều kiện để chuẩn bị cất cánh với những đặc trưng: đã áp dụng những biện pháp mới trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế tạo; xuất hiện những thể chế tài chính như ngân hàng; cải thiện các phương tiện giao thông vận tải để mở rộng thương mại.

Giai đoạn 3: xuất phát, với những đặc trưng: đã áp dụng những phương pháp kỹ thuật và tổ chức hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp; tỷ lệ đầu tư ròng tăng lên nhanh chóng (10% GNP); các ngành công nghiệp lớn mới ra đời.

Giai đoạn 4: tiến tới tăng trưởng với những đặc trưng: đầu tư vào máy móc thiết bị thường duy trì ở mức cao (10-20% GNP); nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong ngoại thương thế giới.

Giai đoạn trưởng thành, với các đặc trưng: tiêu dùng hàng loạt; tỷ lệ cao với các nguồn tài nguyên được dành cho sản xuất hàng tiêu dùng và dịch vụ; công nhân trình độ cao tăng nhanh; một bộ phận lớn tài nguyên được sử dụng cho phúc lợi và an ninh xã hội.

+ Lý thuyết về sự tăng trưởng cân bằng.

Nội dung chính của lý thuyết này là, phát triển là một quá trình cân đối, trong đó các nước tiến lên một cách vững chắc, liên tục. Simon Kuznets nghiên cứu lịch sử 13 nước tiên tiến ngược lại đến năm 1800 và kết luận rằng mô hình phát triển cân đối là phù hợp nhất.

+ Lý thuyết của trường phái chính hiện đại:

Theo trường phái này, để phát triển kinh tế, nói chung phải đảm bảo 4 yếu tố: nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, cấu thành tư bản, kỹ thuật. Ở các nước nghèo, 4 yếu tố này đều khan hiếm. Do đó mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài với những hình thức đa dạng (trong đó quan trọng nhất là tăng cường buôn bán quốc tế) là điều kiện tất yếu, hữu hiệu để tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

2. Thứ hai, là những lý thuyết về nền kinh tế "nhị nguyên" với một số mô hình tiêu biểu của Arthur Lewis, Fei-Ranis, Herring-Torado, Ohkawa, Rosovsky...

Nội dung chính của các lý thuyết về nền kinh tế "nhị nguyên" là xuất phát từ chỗ cho rằng, trong các nền kinh tế thuộc "thế giới thứ ba", cơ chế thị trường thường xuyên không hoạt động hoặc hoạt động quá yếu ớt; dung lượng thị trường nhỏ bé, quan hệ cung-cầu và cạnh tranh hạn chế. Vì vậy họ khước từ cách lý giải sự phát



triển kinh tế của các nước đang phát triển dựa theo lý thuyết phổ biến của nền kinh tế thị trường nói chung.

Theo họ, nền kinh tế các nước đang phát triển có hai hệ thống kinh tế song song tồn tại, đó là hệ thống kinh tế truyền thống (chủ yếu là nông nghiệp) và hệ thống kinh tế du nhập (thường là hệ thống kinh tế TBCN tiên tiến).

Để tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân thì sự ưu tiên tác động chủ yếu là vào khu vực kinh tế hiện đại. Và nhịp độ tăng trưởng và phát triển của khu vực này cũng quyết định sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Chúng tôi cho rằng mỗi lý thuyết trên đều là những gợi ý bổ ích, cần thiết đối với nước ta trong việc lựa chọn đường hướng tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

III. NHỮNG LỜI KHUYÊN CỦA CÁC CHUYÊN GIA KINH TẾ ĐỐI VỚI NƯỚC TA

Năm 1992, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta là 7%. Như vậy theo định luật "72" thì ta cần đến 10 năm mới tăng được gấp đôi GNP. Do vậy muốn đạt mục tiêu tăng GNP gấp đôi vào năm 2000 thì mức tăng trưởng bình quân hàng năm phải là 14%. Đây quả là một thách thức.

Theo Viện nghiên cứu phát triển quốc tế - Đại học Harvard - nền kinh tế VN cần thực hiện những biện pháp sau đây:

- Cần ưu tiên vốn cho các dự án có tỷ lệ hoàn vốn nhanh.

- Nhà nước không "gánh nợ" cho các doanh nghiệp.

Đối với những khoản vay thương mại, phía nước ngoài chỉ có thể đòi nợ đích danh các đơn vị trong nước đi vay nợ, còn chính phủ không nên đứng ra bảo lãnh.

- Trước hết, hãy nâng cấp cơ sở hạ tầng sẵn có, như vậy sẽ đem lại nhiều lợi ích hiệu quả hơn là việc xây dựng mới. Tất nhiên, những dự án mới cũng cần thiết và phải được thực hiện dần khi công đoạn sửa chữa nâng cấp kết thúc.

- Cải tiến nguồn tài chính: Bao gồm cải tiến hệ thống thu ngân sách sao cho công bằng, hợp lý và có thể tính trước được, áp dụng thuế trị giá gia tăng thay cho thuế doanh thu, làm cho các luật thuế đơn giản hơn và dễ hiểu, tách rời các chức năng quản lý tài chính, thu thuế và kiểm toán.

- Khắc phục sự mất cân đối giữa các vùng. Những vùng có tiềm năng phát triển nhanh như Hà Nội, Hải Phòng, TP.HCM phải được tạo điều kiện thuận lợi, được dành một khoản viện trợ nước ngoài khá và chỉ nộp một phần thuế thu được cho Trung ương.

- Tạo ra sự cạnh tranh thực sự. Luật pháp, chính sách tài chính, tiền tệ cần phải đảm bảo cho sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, không kể doanh nghiệp đó thuộc sở hữu của ai.

- Chất lượng giáo dục và y tế là yếu tố then chốt cho cạnh tranh quốc tế. Vì vậy chính phủ cần xác định rõ trách nhiệm của địa phương, vai trò hỗ trợ của trung ương, cách thức sử dụng nguồn thu từ các loại phí trong giáo dục và y tế, cũng như các phương thức tốt nhất để có những dịch vụ công cộng tốt nhất.

- Chính phủ nên quy định các công ty địa ốc phải chịu một phần chi phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng chung quanh các cao ốc mới. Mặt khác phải nghiên cứu ngay vấn đề giao thông và coi chừng ở trung tâm thành phố có quá nhiều cao ốc. Nếu không dự báo và giải quyết được những vấn đề trên, các đô thị VN sẽ lặp lại sai lầm của Bangkok và người dân phải hứng chịu hậu quả của việc thiếu quy hoạch đô thị.

- Tỷ giá hối đoái là loại giá cả quan trọng nhất trong nền kinh tế. Nếu giữ nó ở mức bất lợi cho sản xuất và xuất khẩu thì sẽ làm phương hại đến các triển vọng tăng trưởng nhanh. Vì vậy tỷ giá hối đoái phải hợp lý để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu.

- Cải tiến hệ thống ngân hàng thương mại. Làm thế nào để các ngân hàng luôn luôn có tiền mặt và cung cấp vốn cho những đối tượng xứng đáng chứ không phải chỉ cho các đơn vị ưu đãi.

Cải tiến hoạt động của hệ thống ngân hàng không chỉ tạo ra những điều kiện cho tăng trưởng và phát triển mà còn duy trì được thành quả chống lạm phát.

Tài liệu tham khảo

- P. Samuelson và W. Nordhaus, *Kinh tế học*
- Milton Spencer, *Kinh tế học hiện đại*
- M. Gillis và D. Perkins, *Kinh tế học của sự phát triển*
- Báo Tuổi Trẻ, Phúc Tiến ghi buổi nói chuyện của giáo sư M. Miller và D. Perkins.
- Saburo Okita, *Các nền kinh tế đang phát triển và Nhật Bản*.

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ